

VUA MINH MẠNG VÀ QUAN ĐIỂM VỀ THƠ

NGUYỄN HUY KHUYỂN*

TÓM TẮT

Mỗi thi nhân đều có quan điểm và cách tiếp cận riêng của mình về thơ. Có người xem làm thơ là mục đích để tiến thân và lưu danh. Đối với vua Minh Mạng, thơ chỉ xếp sau việc triều chính, thơ cũng chỉ được làm trong những lúc rảnh rỗi hoặc trong khi cao hứng ngâm vịnh cùng quần thần... Tuy vua Minh Mạng không đặt nặng vấn đề làm thơ, nhưng khi đọc toàn bộ thi tập với khoảng 3700 bài thì mới thấy hết sự dày công của ông.

Từ khóa: quan điểm làm thơ, thơ ngự chế, vua Minh Mạng.

ABSTRACT

King Minh Mang and his viewpoint about poetry

Each poet has his or her own perspective and approach towards poetry. Some consider poetry as a tool for promotion or reputation. As for King Minh Mang, poetry was only second to court affairs, and poems were only composed in free time or in recitations with other courtiers. Although King Minh Mang placed no emphasis on poetry, his entire collection of 3700 poems showed his great effort and affection for poetry.

Keywords: viewpoint about poetry, King's poetry, King Minh Mang.

1. Mở đầu

Bàn về thơ của đế vương cũng như cái học của đế vương, Lê Quý Đôn đã từng nhận xét trong *Lệ ngôn* của *Toàn Việt thi lục*: “Cái học của đế vương là làm tỏ cái lí và dựng nền trị bình, còn văn chương không phải là việc gánh vác, nhưng lúc rảnh rỗi muôn việc, cũng trừ tình ngâm vịnh, tuyên xưng trung hòa. Nước Việt ta gây dựng văn minh, không kém gì Trung Quốc. Lê Tiên Hoàng tiến sĩ Tống một bài *Từ* của Lý Giác, uyển chuyển đẹp tươi có thể vốc được, Thánh Tông và Nhân Tông nhà Lý đều viết giỏi thơ hay, nhưng nay không còn tra cứu được, hai bài của Thái Tông, một bài của Nhân Tông, chỉ thấy trong *Thiền uyển tập anh*. Các vua triều Trần rất ưa đề vịnh,

nên đều có thi tập, nhưng tản mát thất truyền, thấy ở Việt âm chỉ vài chục bài, đại để thác ứng mệnh mệnh, gửi tình cao nhã, còn tràn đầy phong vị...” [1, tr.21].

Văn chương của hoàng đế có thể là xa lạ đối với người đọc, cũng có lẽ do nhiều nguyên nhân khác nhau mà người ta đã hình thành tâm lí “kính nhi viễn chi” đối với thơ văn của hoàng đế. Người dân cũng như tầng lớp quý tộc quan lại không dám tùy tiện bình phẩm, từ đó hình thành tâm lí bài trừ, cự tuyệt đối với mảng thơ văn này. Người đọc thơ hoàng đế do tâm lí sợ phạm húy kị hay bình phẩm sơ suất sẽ bị khép vào tội đại bất kính và sẽ bị nghiêm trị. Vì vậy, ngay cả các viên quan cũng ít người dám bình luận thẳng thắn về thơ của các hoàng đế.

* NCS, Học viện Khoa học Xã hội Việt Nam; Email: nguyengkhuyn.vnn@gmail.com

Tuy nhiên, đối với vua Minh Mạng, ông lại cho các quân thần góp ý về thơ của mình: *“Ta mỗi khi trước tác, đều đem bàn với bọn Khanh, đó là muốn tham khảo ý kiến của nhiều người. Mà bọn Khanh không có nói ý kiến gì lạ, chả biết thơ của ta, quả đã đến nỗi có thể truyền cho đời sau được hay không”* [5, tr.834].

Nếu như quan điểm *“thi dĩ ngôn chí”* đã được khẳng định và được các nhà thơ thể hiện trong các sáng tác của mình, thì đối với vua Minh Mạng, ngoài quan điểm *“ngôn chí”* vua còn hướng thơ của mình đến một mục đích cao cả hơn. Đó là làm thơ để làm chủ nước và yêu dân. Theo vua Minh Mạng, việc học của đế vương khác với thư sinh ở chỗ: *“việc học của đế vương khác với thư sinh, dấu trong khi ngâm vịnh, cũng có ngụ ý làm chủ nước, yêu nuôi dân.”* [5, tr.834].

2. Quan điểm làm thơ của vua Minh Mạng

Trong khoảng 16 năm, từ năm Đinh Hợi đến năm Canh Tí (1827-1841), vua Minh Mạng đã sáng tác tập ngự thi đồ sộ. Khác với những thi tập của các nhà thơ khác, những bài thơ do Vua sáng tác với đủ đề tài và có ghi tháng năm sáng tác rõ ràng, gần như một cuốn thực lục. Những bài thơ còn được ghi chú rõ ràng, hoặc nêu lên lí do, hoặc để nhắc lại việc cũ, hoặc giải thích vấn đề...; từ đó, không những giúp người đọc hiểu kĩ bài thơ hơn, mà còn có thể biết được hoàn cảnh, sự kiện vào đương thời. Ngoài ra, còn có những bài thơ thể hiện tâm tư người viết, nhưng những phần này thường không được ghi trong chính sử. Phần ghi chú

trong các bài thơ là những sự kiện chính xác, có sự nhận xét và đánh giá của người cầm quyền, nhờ đó giúp người đọc không hiểu sai lệch nội dung bài thơ.

Trong lời Tựa *Ngự chế thi sơ tập*, vua Minh Mạng cũng chỉ nhận xét là: *“Những thơ ta làm đó phần nhiều là mình tự dạy mình về đạo kính trời yêu dân, so sánh lúc tạnh lúc mưa để xem thời tiết, không có lời hoa hòe chải chuốt để cho người ta thích nghe. Không như cái học của thư sinh, tìm từng chương trích từng câu mà muốn đua đẹp tranh hay với các văn nhân mặc khách đâu. Và lại, các bậc đế vương từ xưa làm thơ văn phần nhiều là mượn những kẻ từ thân. Theo ý ta xem thì tuy chốn Hàn lâm Bí các là để thay lời vua nói, dùng vào cáo sớ mệnh lệnh thì được, còn như văn thơ thì vốn là gốc ở lòng phát tự chí, nếu có người làm thay thì không phải là chí của mình, hà tất lại nhận cái hư danh ấy làm gì. Huống chi vua chúa không phải lấy việc hay thơ làm chức vụ”*. Như vậy, qua lời nhận xét của chính vua Minh Mạng, người đọc có thể cảm nhận được những thể tài mà ông đề cập trong thơ của mình. Đó phần nhiều là những bài thơ về việc chính sự, thời tiết, tự răn mình, việc nông tang và thơ vịnh sử...

Vua Thiệu Trị khi nhận xét về thơ của cha (vua Minh Mạng), có viết:

“Kính đọc 6 tập thơ ngự chế, 2 tập văn ngự chế; sang sảng những tiếng hay như Điển, Mô, Huấn, Cáo đời xưa, chói lọi những vết tốt như Nhã, Tụng trị bình đời trước. Văn giáo rất mở mang, sĩ phong rất phấn chấn, làm cho thiên hạ

được biết nước ta có sự phong phú về sách vở, kinh điển, có nguồn gốc của văn chương tính mệnh, đều là bởi tự ngài cổ vũ, tác thành cho cả” [6, tr.267].

Chính vua Minh Mạng cũng nói về việc làm thơ rằng:

“Vua ngự điện Văn Minh, sai thị thân là Trương Đăng Quế đọc bài thơ ngự chế và bảo rằng: Thơ là để rèn luyện linh tính còn hơn cái sở thích khác. Nhưng việc học của đế vương khác với thư sinh, dấu trong khi ngâm vịnh, cũng có ngụ ý làm chủ nước, yêu nuôi dân. Nếu không thế, cũng là một văn sĩ thôi, thì có quý gì? Ta xem thơ của đế vương đời xưa, duy có Đường Văn Hoàng [Thái tông] là hơn cả. Về lời lẽ ý tứ khéo léo, đẹp đẽ, cách điệu mới mẻ lạ lùng, không phải người ta có thể theo kịp. Nhưng ở trong phần nhiều là ý vị về cảnh lâm tuyền, không phải khí tượng đế vương miếu đường, cùng tựa như bọn văn sĩ tranh lạ đua khéo thôi. Còn thơ của Càn Long đời Thanh phần nhiều ép gượng, bí lậu, không đáng nói đến, mà người thị tụng bấy giờ, không có một ai sửa nắn lại, đến nay đọc đến, chỉ là cái trò cười. Vì thế, ta mỗi khi trước tác, đều đem bàn với bọn khanh, đó là muốn tham khảo ý kiến của nhiều người. Mà bọn khanh không có nói ý kiến gì lạ, chả biết thơ của ta, quả đã điển nhã có thể truyền cho đời sau được hay không?...” [5, tr.834].

Khi bề tôi dâng biểu cảm tạ vì được vua Minh Mạng ban thơ ngự chế, nhà vua đã dụ các bề tôi rằng: “Thơ trẫm làm không cần khéo léo, chỉ luôn miệng ngâm ra để nói chí mình thôi. Những bài ban

cho ấy đều nói về việc kính trời lo dân, mong tạnh cầu mưa, để các khanh biết ý trẫm, không phải vụ lời văn hoa mà đua hay với văn sĩ đâu. Các khanh đã tạ trước mặt ta là đủ rồi, cần gì làm biểu, chỉ thêm văn sức. Nếu ngâm nghĩ những bài thơ ấy mà biết trẫm khó nhọc, thì nên cảm động mà thi thố mưu mô để giúp trẫm những việc không nghĩ đến, cho chính sự tốt đẹp, trong ngoài yên vui, thế là trẫm cho thơ mới không phải là vô ích, thì trẫm vui mừng biết là nhường nào. Nếu chỉ trang sức hư văn thì sợ văn võ trên dưới sẽ chơi đùa trẽ nải, không bắt chước được thói Đường Ngu nói hát vui mừng thì cũng vô ích, trẫm chẳng khen đâu. Tự sau có thơ văn gì, không phải trẫm tạ nữa” [2, tr.654].

Đại thần Phan Thúc Trực trong Quốc sử di biên đã đánh giá về thơ Minh Mạng: “Ban khắc Ngự chế thi tập. Vua khi rồi muôn việc, gửi tình bút mực, để ý nghệ văn, từ lúc lên ngôi đến nay làm được 1 quyển thi tập, 10 quyển dụ chỉ, 1 quyển tạp kí và 10 quyển Thi tập cổ kim thể. Những bài thơ phần nhiều là những việc kính trời, yêu dân, ghi ngày tạnh, ngóng ngày mưa, một câu một chữ đều tự ý mình sáng tác, không mượn tay các bề tôi văn từ làm hộ.” [8, tr.272-273].

Theo chúng tôi, vua Minh Mạng không đặt nặng vấn đề thơ văn phải trau chuốt, hoa mỹ, công phu; hơn nữa, Vua lại không tỏ ý tranh hay, tranh giỏi với các văn sĩ đương thời. Mặc dù vậy, đọc thơ ông, chúng ta cảm nhận được thơ tuy không đóng vai trò quan trọng như việc quốc gia đại sự, song nó lại đúng và phù

hợp với quan điểm làm thơ của Minh Mạng. Ông cho rằng các văn bản hành chính thì có thể do từ thần soạn thay vua, nhưng thơ văn vốn có gốc ở tâm, phát ra ở chí, nếu để người khác thay thế mình thì đâu còn là chí của mình. Do đó, đọc thơ ông thấy giản dị, dễ hiểu, ít điển tích điển cố. Nhận xét về thơ của mình, vua Minh Mạng đã hỏi Phan Bá Đạt rằng: “*Thơ của trẫm so với thơ vua Lê Thánh Tông thế nào?*”. Đạt tâu: “*Thơ vua Thánh Tông phần nhiều chỉ cốt điều luyện; còn như thơ của thánh thượng làm, thì lấy ngay tình cảnh mà tả ra, cốt để phát minh đạo trị nước, lời lẽ thế cách lại thấy hùng hồn*”. Vua nói: “*Vua tôi rồi rã, cùng nhau làm thơ không những để cùng mua vui, mà có khi cũng để ngụ ý khuyên răn nữa, chứ chẳng phải lấy thơ để làm khí cụ chính trị đâu*” [4, tr.771].

Có thể Phan Bá Đạt khi đứng trước vua Minh Mạng, cũng không thể khen Lê Thánh Tông quá lời hoặc khen thơ vua Minh Mạng quá lời, bởi cả hai vị vua này đều là những nhà thơ kiệt xuất, một người ở thế kỉ XV và một người thế kỉ XIX.

Thật ra, ở nhiều bài thơ, vua Minh Mạng cũng có ý giáo dục, răn đe quần thần và tự răn cả chính bản thân mình. “*Vua bảo bầy tôi rằng: “Từ hôm sang xuân đến nay chưa được một tuần mà được mưa 5 lần, lòng Trẫm thực là mừng rỡ. Vả năm nay gặp khánh tiết tứ tuần của Trẫm, sớm thăm ơn trời, dầm dề như thế chẳng những thương đến mình ta mà nông dân nhờ được mưa này có thể đoán*

là được mùa vậy. Phàm vương giả gia ân, người hưởng có hạn, sao bằng trời cho được mùa luôn khiến dân ta đều được no ấm, thế mới chịu ơn vô cùng. Vậy hạ lệnh cho bộ Lễ tư hỏi các hạt thành trấn đã được mưa hay chưa thì tâu ngay”. Nhân đưa bài thơ “*Triêu âm*” cho bầy tôi xem, mà bảo rằng: “*Mùa xuân này mưa thấm thía. Nhưng Trẫm đêm xem sao Thái bạch lúc sắp lặn thì ánh sao lại đỏ, sợ đến tháng 2 tháng 3 chưa khỏi khô hạn nên không thể yên tâm được*”. Lại đưa bài thơ “*Bồn mai thịnh khai*” (Cây mai chậu nở hoa nhiều), bảo bọn Phan Huy Thực, Lê Văn Đức và Hà Quyền đều dịch ý thơ ra. Bọn Thực tâu rằng: “*Thơ thánh sâu thăm bọn thần nông nổi, chỉ có thể hiểu được muôn một thôi*”. Vua cười nói rằng: “*Vua tôi nghĩa như xương thịt, lúc nhàn rồi vui cười có ý kiến gì cứ nên bày tỏ thẳng, Trẫm há lại lấy văn tự mà tranh hay với thần hạ sao? Đòi trước Tùy Dạng Đế nhân câu “Không lương lạc yển nê” của Tiết Đạo Hành mà sinh lòng ghét, Trẫm rất khinh bỉ. Phàm vua mà mở lòng dung nạp, thì tài trí của thiên hạ đều là tài trí của mình. Vì bằng thánh như Nghiêu Thuấn, nếu không biết nghe người nói, nộ lời can ngăn, bỏ ý riêng theo người, thì đâu có các quan như tứ nhạc cử mục thì có ai ra sức trung thành với mình*” [3, tr.9].

Đạo làm vua trước hết phải biết lắng nghe can gián, phải biết mở lòng dung nạp kẻ sĩ thì tài trí của thiên hạ đều là của mình. Đó cũng là ý thơ trong bài *Tự huấn* (Tự răn mình).

自訓

君道貴納言,
仍分別邪正.
正言必勉從,
邪言勿可聽.
奸宄為身家,
忠誠謀國政.
毫釐千里差,
日夜澄心鏡.

Tự huấn

Quân đạo quý nạp ngôn,
Những phân biệt tà chính.
Chính ngôn tất miễn tòng,
Tà ngôn vật khả thính.
Gian quý vì thân gia,
Trung thành mưu quốc chính.
Hào li thiên lí sai,
Nhật dạ trừng tâm kính.

*Đạo của người làm vua quý ở chỗ biết lắng nghe những lời can gián,
Nhưng lại phải phân biệt được chính tà.
Lời ngay thẳng tất gắng sức để làm theo,
Lời gian tà chớ có nghe theo.
Bọn gian tà chỉ lo cho mình và nhà mình,
Người trung thành thì lo tính cho chính sự.
Sai một li đi một dặm,
Ngày đêm yên lặng nhắc nhở để soi lại mình.*

3. Thơ Minh Mạng và khẩu khí đế vương

Đúng như Minh Mạng nhận xét, cái học của đế vương khác với thư sinh, dấu trong ngâm vịnh cũng có ý làm chủ nước yên dân. Minh Mạng làm rất nhiều thơ. Để so sánh về thơ, vua đã lấy hình ảnh của các vị vua hay thơ của Trung Quốc và Việt Nam làm đối tượng so sánh. Nếu như ở Trung Quốc, vua Minh Mạng xem nhẹ thơ của vua Đường Văn Hoàng [Thái Tông] và vua Càn Long, thì ở Việt Nam, (Đại Nam) vua lại xem trọng thơ Lê Thánh Tông. Vua đã ra chỉ dụ cho sưu tầm thơ văn Lê Thánh Tông. Vua Minh Mạng chê thơ Càn Long là “*phần nhiều ép gượng, bí lậu, không đáng nói đến, mà người thị tụng bấy giờ, không có một ai*

(Ngự chế thi sơ tập, quyển 1, tờ số 20) sửa nắn lại, đến nay đọc đến, chỉ là cái trò cười.” Còn thơ của Đường Văn Hoàng [Thái Tông] là hơn cả: “*Về lời lẽ ý tứ khéo léo, đẹp đẽ, cách điệu mới mẻ lạ lùng, không phải người ta có thể theo kịp. Nhưng ở trong phần nhiều là ý vị về cảnh lâm tuyền, không phải khí tượng đế vương miếu đường, cùng tựa như bọn văn sĩ tranh lạ đua khéo thôi*” [5, tr.834].

Mặc dù vậy, vua Minh Mạng cũng có lúc đề cao và đề dặt trong việc đánh giá thơ của Càn Long. Sách *Đại Nam thực lục* cho biết: “*Vua từng cùng các bề tôi bàn về thơ, hỏi Lý Văn Phức rằng: “Ngươi trước đây sang Quảng Đông, từng có lĩnh tập thơ của vua làm ra mang theo, người nhà Thanh xem thơ ấy cho là thế nào?”. Phức thưa rằng: “Văn sĩ nhà*

Thanh từng nói: Tập thơ của các vua Bắc triều, duy có vua Càn Long là hơn cả, nhưng cũng không bằng thơ của vua làm, giản dị thanh đạm”. Vua bảo rằng: “Vua Càn Long là bậc trước, trẫm không dám khinh suất bàn luận, duy xem thơ ấy thì lập ý cao xa, lời văn đường hoàng, có nhiên không phải bậc mặc khách tao nhân so bì được, nhưng không câu nệ thanh âm và luật điệu, người đọc đọc đi đọc lại, mấy lượt chưa thể am hiểu. Kể thì thơ là để ngâm vịnh tính tình, cũng phải có vần, có luật, nếu sơ suất quá như thế, chưa dám lấy làm khuôn phép, nước ta, thơ của vua Lê Thánh Tông rất là thanh tao, xưa nay chẳng ai bì kịp, nhưng phần nhiều luyện từng chữ, gọt từng câu, chưa thoát khỏi phong vận người đời Đường” [5, tr.188].

Với một vị hoàng đế giỏi thơ văn như Minh Mạng thì việc đánh giá một vài tác phẩm hay một thi tập của ai đó cũng chẳng khó gì. Vua có lần thung dung bàn thơ với quan hầu: “Càn Long nhà Thanh làm thơ rất nhiều, ta xem ra, đều là những bài đi thẳng vào tình cảnh, chẳng cần những lời phù phiếm gọt giũa, song còn có nhiều chữ còn thô, chẳng hạn như vịnh nhân sâm: “Ngũ điệp tam nha vân cát ủng, Ngọc hành chu thực lộ cam phu”, “Năm lá ba cành, mây lành phủ ; Mầm ngọc, quả đỏ, móc ngọt rây”. Các bài ta làm chỉ tả tình, tả cảnh mà dùng chữ chẳng đến nỗi quê kệch như thế; gián hoặc có chữ nào chưa được nhã, các người nên góp ý tâu lên để khỏi có sự dị nghị ở mai sau” [4, tr.771].

Đối với các hoàng đế của Việt

Nam, vua Minh Mạng thường nhắc đến Lê Thánh Tông, một vị vua nổi tiếng hay thơ bậc nhất. Chính vua Minh Mạng cũng yêu thích thơ cổ và mến mộ thơ Lê Thánh Tông. Ông còn cho sưu tầm các bài thơ của Lê Thánh Tông: “Có lần vua Minh Mạng đã nhận xét về thơ Lê Thánh Tông rằng: chỉ có Lê Thánh Tông trước thuật rất nhiều, một vài bài còn lại, người ta đọc lấy làm khoái trá, truyền tụng đến nay, nhưng tiếc là cũng tản mát, không thành tập thành quyển, lại không có bản in để lại. Do đó, Minh Mạng đã cho tìm mua thơ văn của Lê Thánh Tông. Vua dụ cho Nội các rằng: “Nước Việt ta mở nước bằng văn hiến, các bậc vua hiền đời đều có, duy Lê Thánh Tông thì không phải đời nào cũng có. Những phép hay chính tốt chép cả ở trong sử sách, lại còn khi rảnh việc thì lấy văn nghệ làm vui, trước tác rất nhiều, tiếng hay phong nhã vẫn còn văng vẳng bên tai mọi người. Trẫm nhớ đến cổ nhân rất lấy làm kính mến. Tuy đời đã xa, lời nói đã mất, văn chương tuy đã tản mát, nhưng ở trong rừng nho chăm học tất vẫn có người trân trọng giữ gìn. Nay Trẫm muốn tìm cho khắc in để lại lâu dài muôn đời bất hủ. Vậy ra lệnh cho quan Lễ bộ, tư hỏi Bắc Thành và các trấn Thanh, Nghệ, Ninh Bình phàm những nhà quan lại sĩ dân, ai còn giữ được những tập thơ văn ngự chế về đời Hồng Đức (1460-1497) đều đưa đến cho quan sao chép, thu góp lại để khắc in truyền khắp trong nước, để nêu cái tốt đẹp của tiền nhân, lưu một việc hay trong rừng văn nghệ” [3, tr.131-132].

Tuy nhiên, khi nhận xét về thơ Lê

Thánh Tông thì ông lại không đồng quan điểm với việc làm thơ. Vua Minh Mạng sau khi đọc xong *Hồng Đức thi tập* đã nhận xét rằng: “*Ý thơ trong thơ Lê Thánh Tông đa phần học cách làm thơ điêu luyện, gọt rũa của người đời Đường, từng chữ từng chữ đều dụng tâm. Như đức độ của ngài rực rỡ đến ngày nay, là nhờ vào chính sự chững, hay nhờ vào văn chương chững, có thể nhận biết nếu không có áng văn chương ấy cũng đủ để khiến cho hậu thế ngưỡng mộ ngài, thì hà tất gì ngài phải dụng tâm như vậy. Thơ tôi không đủ lão luyện để theo kịp ngài, nhưng tôi muốn học theo chính sự của ngài, không muốn học theo thơ cú của ngài*” (Lời chú thích sau khi đọc *Hồng Đức thi tập*).

Vua thường xem quốc sử, bảo Hà Quyền và Trương Đăng Quế rằng: “*Các vua đời trước nước ta, như Lê Thánh Tông cũng có thể gọi là vua hiền, Trẫm vẫn hâm mộ. Văn chương cũng hay, tiếc rằng văn quá sự thực*”. “*Nước ta, thơ của vua Lê Thánh Tông rất là thanh tao, xưa nay chẳng ai bì kịp, nhưng phần nhiều luyện từng chữ, gọt từng câu, chưa thoát khỏi phong vận người đời Đường*” [3, tr.12].

Chính vì những quan niệm làm thơ không cần khéo ấy mà có lần vua Minh Mạng đã nhắc các hoàng tử về đạo làm thơ. Vua nhân bảo các hoàng tử rằng: “*Phàm làm thơ dùng chữ quý hồ bình dị, ngâm nga mãi thì ý vị càng thấy sâu xa, phép linh hoạt của nhà thơ, chẳng ngoài cách ấy. Nếu dùng chữ hiểm quái, để cho đẹp dễ, mới đọc hình như khéo léo, ngẫm*

nghĩ lâu thì nhạt mà không có vị gì, như thế có chuộng làm gì?” [5, tr.686].

Thơ văn của vua Minh Mạng có rất nhiều bài nói về việc giáo huấn tự răn mình, cũng như thể hiện những vấn đề liên quan đến đất nước. Do đó, thơ được vua ban tặng cho nhiều quần thần cũng như hoàng thân quốc thích, các trực tỉnh, các bộ, để học tập và nghiên cứu. “*Ban cấp các tập thơ văn vua làm cho các quan trong ngoài (Hoàng tử công, hoàng tử, thân công và các sở kiến đông cùng đình thần ban văn, các đốc phủ, bố, án tới Kinh và các trực tỉnh, thành Trấn Tây, thơ vua làm tập ba tập bốn, tập thơ tiểu bình, văn vua làm tập đầu, đều 1 bộ; Quốc tử giám, Học chính, các địa phương, thơ vua làm tập ba, tập bốn đều 1 bộ). Sắc cho các học thần, phàm sách công cấp cho, đều cho học trò sao chép học tập, lâu ngày rách nát, không phải tội, không được bó lại gác lên*” [5, tr.212].

4. Vua Minh Mạng với thơ

Sinh thời, vua Minh Mạng hay làm thơ, Vua quy định đặt tên theo đế hệ cũng làm thơ, xác lập các pháo đài Đông, Tây, Nam, Bắc của kinh thành Huế cũng làm thơ, khuyên răn sĩ tử tiến sĩ cũng thơ. [9, tr.135]. Khi nghiên cứu về thơ Minh Mạng, chúng tôi còn nhận thấy, vua làm thơ ở rất nhiều thời điểm, nhiều sự kiện khác nhau.

Là người đứng đầu nhà nước, có biết bao công việc cần phải giải quyết, ấy thế mà vua Minh Mạng đã để lại hơn 3700 bài được sáng tác trong khoảng 16 năm (trong đó đã xác định được 3600 bài

hiện còn đầy đủ), một con số rất lớn. Là vị vua tài giỏi uyên bác về thi từ văn chương, nhưng lại không lấy văn thơ làm nghiệp lưu danh, cũng không làm thơ để tranh hơn với các văn sĩ đương thời, mà thơ chỉ để phục vụ cho công việc chính sự, làm thơ để tỏ lễ kính trời, yêu dân, xem việc nắng mưa, phần nhiều để tự răn mình, cốt để cho mình tốt hơn.

Vua Minh Mạng làm thơ vào những dịp nào?

Có lẽ nhiều người sẽ tự hỏi: Vua làm thơ lúc nào và làm trong bao lâu để có được số lượng các bài thơ nhiều như thế? Qua nghiên cứu thơ ngự chế của vua Minh Mạng, chúng tôi đã khái quát được những thời điểm làm thơ của ông, ngoài những bài thơ làm trong lúc nhân rồi thì vua còn làm thơ trong rất nhiều thời điểm, kể cả những lúc đang đọc bản tấu của các địa phương về tình hình nông tang, chính trị... ông cũng làm thơ ghi lại.

Làm thơ vì chưa đẹp xong thổ phỉ, trong nước chưa yên

Thời Minh Mạng, tuy đất nước đã ổn định, nhưng cũng còn nội loạn. Trong Nam thì có Lê Văn Khôi, ngoài Bắc thì có Nùng Văn Vân, còn thổ phỉ cướp bóc thì cũng nhiều, tuy dẹp được yên, nhưng cũng hao tốn nhiều công sức. Nhiều trận đánh nhà vua phải trừ hoạch ở Kinh, rồi Dự cho thi hành. Đặc biệt, trong *Ngự chế thi*, Minh Mạng đã làm rất nhiều bài thơ liên quan đến việc tiêu bình thổ phỉ ở Bắc Kỳ và Nam Kỳ.

Thanh thế một số cuộc nổi dậy rất mạnh nhưng may là triều đình có nhiều người cầm quân giỏi như Phan Văn

Thúy, Trương Minh Giảng, Tạ Quang Cự... nên đều được dẹp yên. Những bài thơ này lúc đầu được in chung trong *Ngự chế thi tam tập*, nhưng sau cho in riêng thành hai tập thơ khác nhau là *Khâm định tiểu bình Bắc kì nghịch phỉ thi tập*. Sách *Đại Nam thực lục* cho biết: “Vua đương lo vì chưa dẹp yên thổ phỉ, nửa đêm không ngủ, làm bài thơ “Xuân dạ ngôn hoài” để tỏ ý mình. Đêm ấy canh tư được tin thắng trận, mừng quá. Buổi chiều sáng sớm đem thơ cho bày tôi xem, bảo rằng: “Trẫm vì có kẻ dân mọn ngu ngoan, giữa đêm nóng ruột, phát ra thơ này, chưa được vài khắc mà tin thắng trận vừa đến. Mới biết các cơ trời với người thông cảm như thế đấy!” [2, tr.584].

Làm thơ trong các dịp lễ tế hợp hưởng, kính cáo trời đất

Việc kính cáo trời đất hay kính cáo tổ tiên ở Thế Miếu, Triệu Miếu, lăng Gia Long và các đàn tế Nam Giao, Xã Tắc, hoặc các ngày lễ tiết, khánh hạ năm nào cũng diễn ra. Những dịp như vậy, vua Minh Mạng lại làm thơ để ghi nhớ. “Ngày Bính Tuất, lễ Hợp hưởng. Lễ xong, vua nghĩ đến những điều tốt đẹp của đời trước nhân làm thơ đưa cho quần thần xem. Lại dụ rằng: Khoảng năm Gia Long bản triều Hoàng khảo Thế tổ Cao hoàng đế ta đã dựng Thái miếu ở phía Đông nam Hoàng thành, theo nhà Hán, nhà Minh là đồng đường dị quy chế thất (một nhà chia ra từng gian), gian giữa thờ Thái tổ Gia dụ hoàng đế, hai bên chiêu mục thờ Hy tông Hiếu văn hoàng đế, cho đến Duệ tông Hiếu định hoàng đế, cộng tất cả 9 vị” [2, tr.696].

Làm thơ trong lúc nhàn rỗi, ghi lại việc thanh bình trong cung hay việc thăm lúa ngoài cung

Khi nhàn rỗi, vua tôi cùng nhau xướng họa, ban yến tiệc mừng việc vui; hoặc những lúc thanh nhàn lại cùng nhau ngắm vườn ngự uyển, tản bộ đến các lầu, đài, tạ, đình, hồ, trong cung. Vua nhàn rỗi theo hầu Hoàng thái hậu câu cá ở hồ sau Ngự viên. Vua vừa buông câu, câu được liền 5, 6 con cá. Hoàng thái hậu thích lắm, khen ngợi mãi. Vua bèn làm thơ ghi việc ấy, đưa cho bày tỏ xem và nói rằng: “*Đấy có thể thấy triều đình nhàn hạ, Hoàng thái hậu mạnh khỏe, cho nên khiến các Khanh xem để biết việc vui trong gia đình nhà vua, lòng thần tử tưởng cũng vui vẻ. Còn lời văn khéo vụng thì không cần tính đến*” [3, tr.13].

Khi chính sự nhàn, vua cũng hay cùng quần thần đi tuần du ngoài cung, khi thì về biển Thuận An, lúc lại đến biển Tư Dung, khi lại đến Ngự Bình, qua Đà Nẵng thăm Ngũ Hành sơn. Ngoài ra, vua rất thích đi thăm lúa ở khu vực ven kinh thành như Hương Thủy, thả thuyền trên sông Lợi Nông, ngắm lúa hoặc xem gặt lúa.

Là người hay chữ nhưng không quá đặt nặng việc làm thơ để lưu danh, vua Minh Mạng làm thơ những lúc công việc phê bản nhàn rỗi, hoặc những lúc đi thăm lúa xung quanh các huyện ở quanh Kinh thành. “*Có lần vua ngự giá ra thăm phía đông Giao thấy lúa má tốt, rất vui lòng, thưởng cho các dân cư hai bên dọc đường 2000 quan tiền. Vua bảo thị thần rằng: “Trẫm nhàn rỗi việc, đi tuần*

những chỗ đi qua, nhân dân đặt nhiều lễ nghi, Trẫm không lấy cái đó làm đẹp mắt, chỉ mừng thấy lúa xanh tốt mà thôi”. Rồi đưa bài thơ ngự chế cho xem” [3, tr.129].

Sông Lợi Nông là sông đào dùng để tưới tiêu phục vụ cho nông nghiệp, hai chữ Lợi nông chính là để thể hiện cái ý đó: “*Vua đến chơi sông Lợi Nông, qua huyện Hương Thủy, thấy lúa xanh tốt, làm bài thơ để ghi nỗi mừng*.” [4, tr.523].

Làm thơ khi cầu đảo để tỏ lòng thành

Đảo vũ (cầu mưa) gắn liền mật thiết với đời sống sản xuất nông nghiệp của nhân dân. Các nghi lễ cầu mưa dưới triều Nguyễn luôn được các vị vua coi trọng xem như một nghi lễ để cầu xin trời ban cho mưa thuận gió hòa. Ngoài ra, việc đảo vũ một phần cũng là để cầu cho trời tạnh ráo mỗi khi mưa liên tục làm hư hỏng hoa màu. Lễ đảo vũ dưới triều Nguyễn được tiến hành thường xuyên từ đời vua này đến đời vua khác. Trong kinh kì có mưa, vua dụ bộ Lễ rằng: “*Ở Kinh liền mấy ngày đầu năm, được liền mấy trận mưa rất quý, đến sau ngày mùng 10 lại gặp nắng luôn, mưa xuống chưa thấm. Ngày hôm qua Trẫm thành tâm mật đảo? Làm ra mấy bài thơ, nửa đêm hôm nay ơn trời được mưa chan chứa, suốt đêm đến sáng hầy còn thánh thót Trẫm khôn xiết vui mừng, càng thêm kính sợ. Nay lúa má ở huyện kinh đều đã xanh tốt, không biết phía Nam phía Bắc kinh kì đã được mưa chưa? Bộ Lễ các người phải lập tức truyền chỉ đi xét hỏi chuẩn cho đều cứ sự thực tâu lên, để yên lòng*

Trầm” [3, tr.137].

Trong những lần cầu đảo khó khăn, vua Minh Mạng thường làm thơ để thành tâm cầu đảo. Những bài thơ kì vũ, vọng vũ, khoái vũ, hỉ tình... được Vua làm rất nhiều trong *Ngự chế thi*. Có lần cầu đảo không được mưa, vua liền mật đảo, lại làm thơ đốt ở chùa, lập tức linh ứng. Sách *Đại Nam thực lục* ghi: “*Từ bắt đầu sang mùa xuân đến nay, chưa được trận mưa to. Phủ Thừa Thiên là Nguyễn Trọng Tân cầu đảo ở miếu Vũ Sư, chưa mưa, vua sai Phủ doãn Nguyễn Văn Toán cầu đảo ở miếu Nam Hải long vương. Vua lại mật đảo ở trong cung, làm thơ đem đốt ở trước chùa Hoàn Nhân, ngày hôm sau mưa to, đồng ruộng đầm đìa, lúa tốt bật lên, lập tức phát hương lụa trong kho, sai đem đến 2 miếu lễ tạ, thưởng Nguyễn Văn Toán kỉ lục một thứ*” [5, tr.27].

Một trong những quan điểm làm thơ của vua Minh Mạng là *ái dân*. Ái dân biểu hiện qua việc cầu mưa cầu tạnh, mong mùa màng tươi tốt, quan tâm đến nông vụ, chăm lo đề điều khai khẩn đất hoang, giảm thuế má, giảm giá lúa. Những vấn đề này đều được vua Minh Mạng thể hiện trong thơ.

“*Vua rất lo cho dân, liền chính mình làm một bài thơ, sai quan Nội các đem đốt ở trước đền Long vương. Rồi vua chạy tịnh thành kính lạy lễ cầu đảo ở trong cung, liền được mưa luôn mấy ngày; ruộng nương đều nhuần thấm. Vua rất mừng liền sai Hoàng tử Vĩnh Tường công Miên Hoàn đem hương và lụa đến đền Long vương làm lễ tạ. Lại làm thơ và bài ký thuật rõ cái ý kính trời, chăm sóc dân, khắc*

vào bia đá dựng ở đền” [3, tr.409].

Ngoài ra, vua Minh Mạng còn luôn thương yêu chăm sóc cho dân chúng. Có thể hơn ai hết, vua hiểu vấn đề lo cho dân là trước tiên: “*Vua thấy nắng quá, muốn đến chơi nhà Lương tạ để nghỉ mát, nhưng nghĩ đến việc dân lại thôi, bèn làm bài thơ để cho quần thần xem.*” [3, tr.333].

Làm thơ khi nghe tin được mùa, ghi lại để mừng vui

Trong *Ngự chế thi*, nhiều bài thơ được vua Minh Mạng sáng tác khi nghe tin được mùa của các địa phương tấu báo. Hay gặp mưa dầm lâu ngày bỗng nhiên trời tạnh ráo, vua vui mừng nhân đó làm thơ: “*Tỉnh Quảng Yên, vụ mùa này thóc lúa được phong dưỡng do quan tỉnh đem việc ấy tâu lên. Vua dụ Nội các: “Dân Kinh và dân Thổ ở hạt này, từ trước đến nay, đều tha thiết về lòng tôn vua, thân người trên, vốn không phản nghịch. Nay, tỉnh hạt thu hoạch được phong dưỡng, đó là phúc đấy. Ta rất mừng cho nhân dân một phương ấy. Ta bèn tự nghĩ một bài thơ để ghi nhớ việc này, rồi in chữ son, ban cấp cho tỉnh ấy và các hạt Ninh Bình, Thanh Hoa, Hưng Hóa, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Cao Bằng, Lạng Sơn khiến cho đều rõ rằng dân Quảng Yên biết yên phận, theo lẽ phải, nên được ngược nhờ phúc trời ưu đãi, triều đình khen thưởng. Các hạt khác nên nghĩ mà bắt chước, cùng hưởng thái bình*” [3, tr.889].

“*Vua ngự ở điện Cần Chính. Trăm quan vào sân, lạy chầu. Trước đây, mưa dầm hàng tuần, vua lánh rét ở hiên đông*

điện Trung Hòa, đến đây chiều trời tạnh nắng, mới ngự coi châu. Vua nhân làm bài thơ “Xuân sắc mãn hoàng đô”, sai các quan đình thần ai là khoa mục thì ở lại Duyệt thị đường, mỗi người làm một bài để dâng lên” [4, tr.30].

Dưới triều vua Minh Mạng nhiều công trình liên quan đến tưới tiêu, đê điều được xây dựng như kênh Vĩnh Tế, sông Vĩnh Định, Sông Thạch Hãn... và nhiều công trình khác ở kinh đô. Mỗi lần như thế, vua cũng làm thơ và dựng bia đá khắc bài thơ lên: “Sai bộ Công dựng bia ở bên bờ sông, khắc 1 bài thơ của vua làm, ghi việc sông Vĩnh Định”. [4, tr.977]. Trong 12 bài thơ làm về Thuận An tứ cảnh thì cũng khắc 4 bài lên 4 tấm bia đặt ở cửa biển Thuận An để ghi nhớ sự kiện về Thuận An, đó là các bài thơ: Viên đài hùng trĩ; Đại hải tráng quan; Da lâm tích thúy; Sa thành miên cảng, các bài thơ này được khắc trên bia và được Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ ghi lại.

Làm thơ để tỏ ý khuyên răn quần thần

Nếu như các thi nhân đương thời làm thơ để nói lên chí hướng hoặc làm thơ để lưu lại tên tuổi, thì đối với vua Minh Mạng, làm thơ không cần để lập thân lập nghiệp. Với khẩu khí đế vương, thơ ông còn thể hiện tính chỉ đạo giáo dục, giáo huấn cho văn võ bá quan: “Tiết Đoan dương. Quan ngoài, từ Tổng đốc đến Tri huyện, trên 10 người, được dự yến. Vua thân làm bài thơ ngụ ý khuyên gắng lẫn nhau, sai Nội các sao lục phân phát cho họ” [4, tr.932].

Làm thơ trong lễ tịch điền

Lễ tịch điền thể hiện tư tưởng trọng nông của nhà nước phong kiến đối với nông nghiệp. Lễ tịch điền là lễ tự vua xuống ruộng đi cày để làm gương cho người dân cũng như thể hiện việc quan tâm đến người dân. Khi vua đi cày mới cảm nhận hết được nỗi vất vả cực nhọc của người dân, qua đó thể hiện sự cảm thông của vua với dân. “Vua tự mình đến ruộng Tịch điền cày đi bừa lại 3 đường, sau đó đến lượt công khanh, và sau nữa là các nông phu đều cày, trẫm thấy phần đông trên mặt đều đổ mồ hôi, như thế đủ thấy công việc cày cấy rất khó khăn nhọc mệt, mà nông dân quanh năm cần cù vất vả vẫn không đầy đủ no ấm, trẫm lấy làm thương xót lắm” [7, tr.687].

Nhân sự kiện tịch điền, vua Minh Mạng làm thơ để ghi lại và cũng là để tự răn mình, cũng như khuyên văn võ bá quan cần phải biết trân trọng sức lao động của nhân dân.

“Ngày hôm ấy, vua lễ cày ruộng tịch điền, vua ngự đài Quan Canh làm một bài thơ, cho triệu quan ngoài là bọn Cao Hữu Dực, Tôn Thọ Đức đến gần trước mặt đem thơ cho xem, nhân ra dụ rằng : “Chính mình đi cày tịch điền là điển lễ trọng yếu, chăm chú đến gốc, trọng việc làm ruộng, trước đã theo đời xưa mà làm, hai năm Minh Mạng thứ 16, 17 bỗng nhiên mưa ướt, sai quan làm thay, vẫn áy náy trong lòng, năm nay gặp kỳ tạnh nắng, trẫm tự mình cầm roi cầm cày, 3 lượt đi, 3 lượt lại, nặng lòng vì dân, tự thấy coi nhẹ khó nhọc, cày xong làm ngay một bài thơ để bảo các quan to

đến Kinh, nên đem thơ ấy sao lục phát cho các trực tỉnh, mỗi tỉnh một đạo, khiến cho đều chăm khuyến dân cày ruộng, cùng xứng với ý trẫm” [5, tr.86].

Làm thơ để khuyến khích sĩ tử

Dưới triều vua Minh Mạng, việc lựa chọn quan lại thông qua thi cử đã đi vào ổn định. Năm Minh Mạng thứ 3 (1822), nhà nước bắt đầu mở khoa thi Hội. Đây là khoa thi đầu tiên của triều Nguyễn. Do đó, ba kì đầu vua Minh Mạng trực tiếp ra đề. Việc tuyển chọn nhân tài rất được vua quan tâm. Năm thứ 19 (1838), kì thi Hội khoa Mậu Tuất, vua ngự xem trường thi Hội, gặp lúc trời mưa rét, quan trường ra đón, sai ban cho rượu, lại cho người đi thi ăn cơm uống rượu và lò sưởi đêm cỏ, rồi miệng đọc một bài thơ tự viết:

*Trời tuyết cho than buổi sớm nay
Anh hoa nở hết, trạng khoa này,
Mới hay từng bách cày ua rét,
Cố gắng cùng nhau báo đức dày)*

[5, tr.287-288].

5. Tạm kết

Quan điểm làm thơ và thời điểm làm thơ như chúng tôi đã khái quát ở trên đã một lần nữa khẳng định về thơ của vua Minh Mạng. Theo vua: “*Thơ là để rèn luyện linh tính còn hơn cái sở thích khác. Nhưng việc học của đế vương khác với thư sinh, dấu trong khi ngâm vịnh, cũng có ngụ ý làm chủ nước, yêu nuôi dân. Nếu không thế, cũng là một văn sĩ thôi, thì có quý gì?*” Khẩu khí đế vương của vị vua tài năng trong chính sự, cần chánh, trong giải quyết công việc, và linh hoạt trong sáng tác thơ, những điều đó không phải để trước ngôn lập chí, mà là để kính

trời, ái dân, noi theo pháp tổ, trọng nông nghiệp, hiếu kính từ thân, khuyến khích nho học đã được vua Minh Mạng thể hiện trong toàn *Ngự chế thi tập* của mình.

Nếu đọc hết thi tập mà vua Minh Mạng đã sáng tác trong vòng 16 năm thì mới thấy hết suối nguồn thi văn dạt dào trong tâm hồn ông. Dường như lúc nào vua cũng có thể làm được thơ. Thi tứ cứ tuôn chảy trong suy nghĩ và hành động của vua. Những bài thơ ấy, như vua Minh Mạng đã khẳng định, cũng chỉ làm để ghi ngày tạnh (ghi chép lại ngày tạnh ráo), ngóng ngày mưa, tự răn mình, cùng những lễ kính trời yêu dân. Thơ làm không cần khéo, không dùng từ quá cầu kì, “*phàm làm thơ dùng chữ quý hồ bình dị, ngâm nga mãi thì ý vị càng thấy sâu xa, phép linh hoạt của nhà thơ, chẳng ngoài cách ấy. Nếu dùng chữ hiểm quái, để cho đẹp đẽ, mới đọc hình như khéo léo, ngâm nghĩ lâu thì nhạt mà không có vị gì, như thế có chuộng làm*”. Với quan điểm đó, vua đã nhận xét đầy đủ về những vị vua nổi tiếng hay thơ của Trung Quốc như Càn Long, Đường Thái Tông, và ở Việt Nam là vua Lê Thánh Tông. Có lẽ, theo chúng tôi, vua Minh Mạng muốn khẳng định với thiên hạ rằng, thơ của mình chỉ để phục vụ cho công việc nước nhà. Thơ ấy là, khẳng định một nước Đại Nam thống nhất sánh ngang thời Đường Ngu Nghiêu Thuấn. Một nước có ngàn năm văn hiến, giang sơn Đại Nam (Việt Nam) thống nhất từ Bắc chí Nam, điều đó được thể hiện rõ nét qua bài thơ khắc trên điện Thái Hòa, âm hưởng của bài thơ như vẫn còn vang vọng mỗi khi đọc lại:

文獻千年國

車書萬里圖

鴻龐開闢後

南服一唐虞

*Văn hiến thiên niên quốc,
Xa thư vạn lý đồ.
Hồng Bàng khai tịch hậu,
Nam phục nhất Đường Ngụ.*

Nước ngàn năm văn hiến,
Thống nhất muôn dặm xa.
Vua Hồng Bàng dựng nước,
Nước Nam sánh Đường Ngụ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Văn Hỷ (1993), *Người xưa bàn về văn chương*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, (tập 2), Bản dịch của Viện Sử học (2002), Nxb Giáo dục.
3. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, (tập 3), Bản dịch của Viện Sử học (2002), Nxb Giáo dục.
4. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, (tập 4), Bản dịch của Viện Sử học (2002), Nxb Giáo dục.
5. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, (tập 5), Bản dịch của Viện Sử học (2007), Nxb Giáo dục.
6. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, (tập 6), Bản dịch của Viện Sử học (2007), Nxb Giáo dục.
7. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Minh Mệnh chính yếu*, bản dịch (2010), Nxb Thuận Hóa, Huế.
8. Phan Thúc Trực, *Quốc sử di biên*, bản dịch của Viện Sử học (2009), Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
9. Mai Khắc Ứng (1993), *Lãng của hoàng đế Minh Mạng*, Hội Sử học Thừa Thiên - Huế.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 20-7-2014; ngày phản biện đánh giá: 26-7-2014;
ngày chấp nhận đăng: 23-01-2015)